TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2017/DS-PT
Ngày: 14-12-2017
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Hùng

Các Thẩm phán: 1 – Ông Mai Thiện Kế

2 – Ông Nguyễn Văn Dũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát ND tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Dương Hồng Q**, địa chỉ: Số A, đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh S(có mặt).

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư Hoàng Văn Q, Văn phòng luật sư Hoàng Q, thuộc đoàn luật sư tỉnh S (có mặt).

2. *Bị đơn*:

2.1 **Ngân hàng Thương mại cổ phần P**, địa chỉ: Số B, đường L, phường B, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

* Ông Tống Minh Đ, sinh năm 1984, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần P (có mặt).

* Ông Trần N, sinh năm 1988, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần P (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số C đường D phường X, quận N, thành phố C.

2.2 Bà **Trần Thị Kim H** (vắng mặt).

2.3 Ông **Đinh Quốc B** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số E đường N, Phường G, thành phố S, tỉnh S.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 **Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn H chức vụ: Chấp hành viên (có mặt).

Địa chỉ: Số D đường L, Khóm H, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

3.2 **Văn phòng công chứng B**, địa chỉ: Số 121 đường P, Khóm H, Phường K, thành phố S, tỉnh S (vắng mặt).

3.3 Ông **Trần Ngọc T**, địa chỉ: Số M đường C, Khóm L, Phường V, thành phố S, tỉnh S (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Dương Hồng Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn ông Dương Hồng Q trình bày**:

Ngày 19/3/2011 ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Đ (*nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh T*) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/03/2011. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp trên là:

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M828001, số vào sổ cấp giấy 0016 do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp ngày 18/9/1998 cho hộ Đinh Quốc B, phần đất có diện tích 400m^2, thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Khóm L, Phường K, thị xã S, tỉnh S.

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M828091, số vào sổ cấp giấy 0003 do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp ngày 12/01/1999 cho hộ Trần Thị Kim H, phần đất có tổng diện tích 1.000m^2, thửa đất số 771, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Khóm N, Phường K, thị xã S, tỉnh S .

Tuy nhiên, trước khi ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/03/2011 thì các tài sản nêu trên đang được kê biên cho Ngân hàng TMCP P Chi nhánh S theo Quyết định kê biên tài sản số 06/QĐ.THA ngày 02/11/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Tại Điều 2 Quyết định đã quy định "*Ông Đinh Quốc B, bà Trần Thị Kim H không*

được chuyển dịch, sang nhượng các tài sản nêu trên tại Điều 1 cho đến khi thi hành án xong hoặc có quyết định của cơ quan thi hành án được xử lý tài sản". Đồng thời hai phần đất trên cũng đang được đảm bảo thi hành án cho 04 người khác theo các Quyết định THA số 580/QĐ.THA ngày 04/5/2010; số 647/QĐ.THA ngày 17/5/2010; số 666/QĐ.THA ngày 31/5/2010; số 760/QĐ.THA ngày 27/6/2010, trong đó có người được thi hành án là ông Dương Hồng Q theo Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2010/DS-ST ngày 03/3/2010 của Tòa án nhân dân thành phố S buộc bà Trần Thị Kim H có trách nhiệm hoàn trả cho ông Q số tiền 540.000.000 đồng.

Mặt khác, bà H và ông B chưa thanh toán tiền phải thi hành án cho 04 người đã có quyết định thi hành án. Bà H và ông B cũng không có quyết định của cơ quan thi hành án cho phép được xử lý tài sản đang bị kê biên, cũng không có quyết định giải tỏa kê biên tài sản thi hành án.

Ông Q yêu cầu Toà án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/03/2011 được ký kết giữa ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H với Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Đ vô hiệu.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngân hàng TMCP Pông Trần N và ông Liêu Thái H trình bày:**

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/03/2011 giữa bên thế chấp là bà Trần Thị Kim H, ông Đinh Quốc B, bên vay là Công ty cổ phần M, bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Đ (nay là Chi nhánh T), tài sản thế chấp là Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m^2 tọa lạc Khóm N, Phường K, thành phố S, tỉnh S và thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 06, diện tích 400m^2 tọa lạc Khóm L, Phường K, thành phố S, tỉnh Slà hợp đồng thế chấp hợp pháp, được công chứng chứng thực theo đúng quy định của pháp luật và có đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đồng thời Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được Tòa án nhân dân thành phố S giải quyết bằng Bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 26/11/2012, bản án đã có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng đã có đơn yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m^2 tọa lạc Khóm N, Phường K, thành phố S, tỉnh S và thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 06, diện tích 400m^2 tọa lạc Khóm L, Phường K, thành phố S, tỉnh S nhưng đến nay phía Công ty cổ phần M vẫn chưa thanh thanh toán nợ cho Ngân hàng. Mặt khác, thời hiệu để yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu đã hết. Do đó Ngân hàng không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Bị đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:**

Căn cứ vào Bản bán số 110/2009/DS-PT ngày 18/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, bà H và chồng là ông Đinh Quốc B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P Việt Nam số tiền vốn và lãi là 1.590.879.166 đồng.

Ở giai đoạn thi hành án thì phía Ngân hàng TMCP Pcó đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S đã ra Quyết định kê biên tài sản số 06/QĐ.THA ngày 02/11/2009, đối với tài sản là:

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M826001, số vào sổ cấp giấy 0016 do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp ngày 18/9/1998 cho hộ Đinh Quốc B, phần đất có diện tích 400m^2, thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Khóm L, Phường K, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng.

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M828091, số vào sổ cấp giấy 0003 do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp ngày 12/01/1999 cho hộ Trần Thị Kim H, phần đất có tổng diện tích 1.000m^2, thửa đất số 771, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Khóm N, Phường K, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng.

Sau đó có tổ chức bán đấu giá nhưng chưa bán được tài sản. Đến ngày 18/3/2011 bà H và ông B đến Ngân hàng TMCP P thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng TMCP P Việt Nam và phía Ngân hàng có ra thông báo xóa thế chấp đối với tài sản thế chấp là hai thửa đất nêu trên. Cùng ngày thì bà H với ông B đi làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp và ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất hai thửa đất trên với Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần M với số tiền 1.600.000.000 đồng.

Việc bà H và ông Đinh Quốc B ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/03/2011 đối với hai thửa đất trên với Ngân hàng TMCP P để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần M với số tiền 1.600.000.000 đồng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Mặt khác, bà H và ông B không nhận được Quyết định thi hành án đối với bản án giữa bà H với ông Dương Hồng Q, ông Đặng Công M, Công ty cổ phần chế thực phẩm C, Công ty K. Đến ngày 18/7/2011 bà H mới nhận được Quyết định kê biên tài sản số 31/QĐ.THA ngày 18/07/2011 và Quyết định giải tỏa việc kê biên tài sản số 15/QĐ-THA ngày 18/7/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Thực tế đối với 04 Bản án nói trên chỉ có 01 mình bà H chịu trách nhiệm trả nợ nên bà H hoàn toàn không biết là phải lấy tài sản chung của bà và ông B là hai thửa đất nêu trên để thi hành án. Việc kê biên này cũng là sau ngày bà và ông B thế chấp cho Ngân hàng TMCP P nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn, số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/03/2011 được ký kết giữa ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H với Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Đ là vô hiệu.

Mặt khác, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn, số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/03/2011 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Đ với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H đã được Tòa án nhân dân thành phố S giải quyết bằng Bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 26/11/2012, bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng đến nay phía Công ty cổ phần M vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S ông Huỳnh Văn H trình bày:**

Sau khi Bản án số 110/2009/DS-PT ngày 18/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh S có đơn

yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S đã tiến hành lập trình tự các thủ tục theo quy định của pháp luật. Theo cung cấp của Ngân hàng nguồn tài sản để bảo đảm vay là hai thửa đất gồm: Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m^2 tọa lạc Khóm N, Phường K, thành phố S, tỉnh Svà thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 06, diện tích 400m^2, tọa lạc Khóm L, Phường K, thành phố S, tỉnh S thuộc tài sản chung của ông B và bà H.

Chấp hành viên đã ra Quyết định kê biên xử lý tài sản thế chấp số 06/QĐ-CCTHA ngày 02/11/2009 đối với hai thửa đất nêu trên. Sau đó đến tháng 5/2010 tiếp tục thụ lý 03 bản án, trong đó bà Trần Thị Kim H có trách nhiệm trả tổng cộng số tiền là 797.388.545 đồng cho ông Dương Hồng Q, ông Đặng Công M, Công ty cổ phần chế biến thực phẩm C và nghĩa vụ nộp án phí.

Ngày 18/3/2011, bà H trực tiếp đến Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh S thanh toán dứt khoản nợ với Ngân hàng nhưng còn nghĩa vụ thực hiện chi phí cưỡng chế trong việc xử lý hai tài sản thế chấp bà H chưa thanh toán tại cơ quan thi hành án. Đồng thời việc bà H thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng thì phía Ngân hàng không có thông báo cho Chi cục Thi hành án biết.

Ngày 22/6/2011 ông Dương Hồng Q, ông Đặng Công M có làm đơn yêu cầu kê biên đối với hai thửa đất nêu trên của bà H.

Ngày 18/7/2011 Chi cục Thi hành án ra Quyết định giải tỏa kê biên tài sản số 15/QĐ-THA để giải tỏa kê biên tài sản theo quyết định kê biên tài sản số 06/QĐ-THA ngày 02/11/2009. Đồng thời ra quyết định kê biên tài sản số 31/QĐ.THA về việc cưỡng chế kê biên hai thửa đất nêu trên của bà H, ông B để bảo đảm thi hành 04 bản án lúc bấy giờ đã thực hiện kê biên vào ngày 22/7/2011.

Ngày 19/3/2011 ông B, bà H lại lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng TMCP P.

Mặc dù bà H ông B đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P nhưng chưa thực hiện xong nghĩa vụ về chi phí cưỡng chế, chi phí thông báo bán đấu giá cho Cơ quan thi hành án thành phố S nên Chấp hành viên chưa ra quyết định giải tỏa đối với tài sản kê biên, do đó Quyết định kê biên tài sản số 06/QĐ-THA ngày 02/11/2009 vẫn còn hiệu lực.

Ngày 19/3/2011, ông B, bà H và Ngân hàng TMCP P ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất hai thửa đất trên để bảo đảm vay vốn là không đúng quy định của pháp luật. Ông B và bà H cố tình tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án bao gồm nghĩa vụ chi phí cưỡng chế xử lý tài sản, án phí và bồi hoàn theo các quyết định thi hành án. Hợp đồng thế chấp phát sinh sau khi bản án, quyết định mà Chi cục thi hành án đang thụ lý do đó vi phạm khoản 1 Điều 6 Thông tư số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 nên Chấp hành viên giải tỏa kê biên và thực hiện việc kê biên lại để đảm bảo thi hành cho các nghĩa vụ còn lại là đúng quy định của pháp luật.

Do đó phía Chi cục Thi hành án đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn, số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/03/2011 được ký kết giữa Ngân hàng Thương

mại cổ phần P – Chi nhánh Đ với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H là vô hiệu.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý, giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hồng Q về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ (nay là Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh T) với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H vô hiệu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Dương Hồng Q phải chịu số tiền 200.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 200.000 đồng đồng theo biên lai thu số 009033 ngày 19/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 01 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn ông Dương Hồng Q kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu:

- Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm để xem xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật là Bản án kinh doanh thương mại số 20/2012/KDTM-ST ngày 26/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố S và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2013/QĐ-PT ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, ra quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định nêu trên cho đến khi có quyết định tái thẩm.

* Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Q cho rằng: Việc Công ty cổ phần M vay tiền tại Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đvà dùng tài sản là hai thửa đất số 771, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m^2 tọa lạc Khóm N, Phường K, thành phố S, tỉnh S và thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 06, diện tích 400m^2 tọa lạc Khóm L, Phường K, thành phố S, tỉnh S là tài sản chung của ông B và bà H để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần M là không đúng vì ông B, bà H chỉ là bên bảo lãnh nên việc lập hợp đồng thế chấp là trái với Điều 317 Bộ luật dân sự (BLDS). Đồng thời việc để ngân hàng khởi kiện

thì đây là khoản nợ xấu các ngân hàng phải xem xét khi cho vay. Hành vi tự ý trả tiền cho ngân hàng và lấy giấy chứng nhận không thông qua Chi cục Thi hành án để xóa kê biên và chưa thi hành các khoản phí đối với thi hành án nhưng lại đem phần tài sản đang bị kê biên này đi thế chấp của bà H, ông B là hành vi cố tình tẩu tán tài sản. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ (nay là Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh T) với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H vô hiệu.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu về tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ (nay là Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh T) với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về tố tụng**:

Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim H, ông Đinh Quốc B và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng B, ông Trần Ngọc T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của những người này.

[**2**] **Về nội dung**:

Tại phiên tòa ông Dương Hồng Q yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ(nay là Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh T) với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H vô hiệu. Xét yêu cầu này của ông Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 18/3/2011, Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ với Công ty cổ phần M ký kết hợp đồng tín dụng số 040.11.00109 để vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), để đảm bảo cho khoản vay này hai bên có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL cùng ngày 18/3/2011, tài sản thế chấp là thửa đất số 771, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m^2 tọa lạc Khóm N, Phường K, thành phố S, tỉnh S và thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 06, diện tích 400m^2 tọa lạc Khóm L, Phường K, thành phố S, tỉnh S là tài sản chung của ông B và bà H.

Ngày 26/4/2012 Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ đã khởi kiện Công ty cổ phần M và vụ kiện này đã được Tòa án nhân dân thành phố S đưa ra xét xử và tuyên án bằng Bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 26/11/2012. Trong bản án cũng đã đưa ra giải quyết phần tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL. Bản án này bị bà H kháng cáo nhưng bà H vắng mặt hai lần tại cấp phúc thẩm nên cấp phúc thẩm đã có Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2013/QĐ-PT ngày 02/5/2013. Do đó Bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 26/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố S có hiệu lực pháp luật kể từ 02/5/2013.

Theo khoản 1 Điều 19 của BLTTDS năm 2015 qui định: "*1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*". Do đó đối tượng mà ông Q yêu cầu đã được giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên việc ông yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL giữa Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ (nay là Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh T) với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H vô hiệu là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

Đối với đề nghị của ông về việc thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm để xem xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật là Bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 26/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố S và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2013/QĐ-PT ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án, quyết định nêu trên cho đến khi có quyết định tái thẩm. Xét đề nghị này của ông, nhận thấy: Tại phiên tòa ông Q trình bày hiện nay ông đã có đơn gửi Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao đề nghị xem xét lại Bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 26/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố S và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2013/QĐ-PT ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo thủ tục tái thẩm. Đồng thời trong vụ kiện này cũng đã xác định ông là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong phần tài sản là hai thửa đất số 771, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m^2 tọa lạc Khóm N, Phường K, thành phố S, tỉnh S và thửa đất số 1364, tờ bản đồ số 06, diện tích 400m^2 tọa lạc Khóm L, Phường K, thành phố S, tỉnh S mà trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL giữa Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ (*nay là Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh T*) với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H nên ông được quyền trực tiếp khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét lại Bản án số 20/2012/KDTM-ST ngày 26/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố S và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2013/QĐ-PT ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo thủ tục tố tụng dân sự nếu ông có đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu và đề nghị của Luật sư và vị đại diện Viện kiểm sát về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[**3**] **Về án phí**: Ông Dương Hồng Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 và Khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Dương Hồng Q về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ (*nay là Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh T*) với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H vô hiệu.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 22-8-2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Phần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

"*Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hồng Q về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn số 040.11.00109A/HĐTCBL ngày 18/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh Đ (nay là Ngân hàng TMCP P– Chi nhánh T) với ông Đinh Quốc B và bà Trần Thị Kim H vô hiệu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Dương Hồng Q phải chịu số tiền 200.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 200.000 đồng đồng theo biên lai thu số 009033 ngày 19/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S."

* *Án phí phúc thẩm*: Ông Dương Hồng Q phải chịu 300.000 đồng, ông Qđược khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0007886 ngày 07/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, như vậy ông Qđã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TP S;
- Chi cục THA.DS TP S
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Khánh Hùng